

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HS-ST
Ngày 13/04/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiếu

Ông Lưu Danh Sử

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung, Thư ký - Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 04 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2018/HSST ngày 22 tháng 03 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 04 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và Tên: **Bùi Văn L**, (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1978, tại N - Ninh Bình; Trú tại: thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 03/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Văn L1 và bà Nguyễn Thị S; Có vợ là Lê Thị D và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/11/2017 đến ngày 28/11/2017 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1986; Trú tại: thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

Người Làm chứng: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1974; Trú tại: thôn L, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/11/2017 đến ngày 22/11/2017, Bùi Văn L đã 04 lần bán ma túy cho Nguyễn Văn V, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 20/11/2017, Bùi Văn L đi xe ôm đến bến xe khách thuộc thị trấn N để mua 01 gói Heroine, của người đàn ông không quen biết với giá 200.000 đồng. Sau đó L đi về chòi chăn nuôi của gia đình ở thôn M, xã T, huyện N lấy một ít ra sử dụng cho bản thân số Heroine còn lại L gói bằng tờ giấy bạc màu vàng cất trong người. Đến khoảng 12^h30' cùng ngày Nguyễn Thanh T ở thôn L, xã S, huyện N (là bạn của L) đưa Nguyễn Văn V đến chòi chăn nuôi của L giới thiệu với L về Nguyễn Văn V sau đó V hỏi L “Anh có Heroine không để cho tôi một gói 200.000”. L nói “Có”, V đưa cho L 200.000 đồng sau đó L lấy 01 gói Heroine được gói bằng giấy bạc màu vàng ở trong người ra đưa cho V, V cầm lấy gói Heroine cùng T mang đi sử dụng hết.

Lần thứ hai: Khoảng hơn 07 giờ ngày 21/11/2017, Bùi Văn L đi nhờ xe mô tô của một người không quen biết đến bến xe khách thuộc thị trấn N mua 01 gói Heroine của người đàn ông mà L đã mua Heroine sáng 20/11/2017 với giá 200.000 đồng sau đó mang về chòi chăn nuôi của gia đình lấy một ít ra sử dụng cho bản thân số Heroine còn lại L gói vào tờ giấy bạc màu vàng cất trong người. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì Nguyễn Văn V gọi điện từ số máy 0966541675 đến số máy 01683466114 của L hỏi mua một gói Heroine với giá 200.000 đồng. L đồng ý và hẹn V đến khu vực cầu Chùa thuộc thôn L, xã T, huyện N để bán Heroine cho V. Sau đó L đi bộ ra khu vực Cầu Chùa gặp L, tại đây L bán cho V 01 gói Heroine được gói bằng giấy bạc màu vàng với giá 200.000 đồng, sau khi mua được Heroine V đem đi sử dụng hết cho bản thân.

Lần thứ ba: Khoảng 07 giờ ngày 22/11/2017, Bùi Văn L đi nhờ xe mô tô của một người không quen biết đến bến xe khách thuộc thị trấn N gặp và hỏi mua 01 gói Heroine với giá 500.000 đồng của người đàn ông mà L đã mua Heroine sáng 20 và 21/11/2017. Sau khi mua được Heroine L đi nhờ xe về chòi chăn nuôi của gia đình lấy một ít ra sử dụng cho bản thân số Heroine còn lại L chia làm hai phần một phần gói lại bằng tờ giấy bạc màu vàng, một phần gói lại bằng tờ giấy bạc màu trắng cất trong người. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì Nguyễn Văn V gọi điện từ số máy 0966541675 đến số máy 01683466114 của L hỏi mua một gói Heroine với giá 200.000 đồng. L đồng ý và hẹn V đến khu vực gần cầu Chùa thuộc thôn L, xã T, huyện N để L bán Heroine cho V. Sau đó L đi bộ ra khu vực cách cầu chùa khoảng

50m, L gặp V và bán cho V 01 gói Heroine được gói bằng giấy bạc màu vàng với giá 200.000^d, V đem đi sử dụng hết cho bản thân.

Lần thứ tư: Khoảng 15 giờ ngày 22/11/2017, L đang ở chòi chăn nuôi của gia đình ở thôn M, xã T, huyện N thì nhận được tin nhắn từ số máy 0966541675 của Nguyễn Văn V nhắn tin vào điện thoại số máy 01683466114 của Bùi Văn L với nội dung Đề cho em 200.000 (ý nói muốn mua 200.000 đồng Heroine) sau đó L gọi điện lại cho V, V nói với L bán cho V một gói Heroine với giá 200.000 đồng. L đồng ý và hẹn V ra trục đường thuộc thôn M, xã T, huyện N. Sau đó L cầm gói Heroine đi bộ ra chỗ hẹn thì gặp V cũng đi bộ đến. Tại đây, Nguyễn Văn V đưa cho Bùi Văn L 200.000 đồng, L cầm tiền và lấy từ túi áo ngực ra 01 gói Heroine được gói ngoài bằng giấy bạc màu trắng đưa cho V, khi V vừa cầm gói Heroine thì bị Tổ tuần tra công tác Công an tỉnh Ninh Bình phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trên tay Nguyễn Văn V một gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy bạc màu trắng, V khai nhận đó là Heroine vừa mua của L với giá 200.000 đồng để sử dụng, thu trên tay L số tiền 200.000 đồng là tiền L vừa bán Heroine cho V. Tiến hành khám xét nơi ở của Bùi Văn L không thu giữ đồ vật tài liệu gì.

Cân xác định trọng lượng chất bột dạng cục màu trắng chứa trong 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy bạc màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn V có trọng lượng 0,06 gam ký hiệu M để gửi trung cầu giám định về khối lượng và loại chất ma túy.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Bùi Văn L đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Tại bản kết luận giám định số 232/KLGD-PC54-MT ngày 24/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: “*Mẫu chất bột dạng cục màu trắng ký hiệu M gửi giám định có khối lượng 0,06 (không phải không sáu) gam, là ma túy, loại Heroine.*”

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 21/03/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện N, truy tố bị cáo Bùi Văn L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (BLHS năm 1999).

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, xử phạt Bùi Văn L từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS); Tịch thu tiêu hủy một phong bì ghi số 232/2017/GĐMT và 01 vỏ phong bì niêm phong mặt trước ghi số tiền 200.000. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000^d thu giữ của Bùi Văn L do phạm tội mà có.

Truy thu số tiền 600.000^d mà L bán ma túy cho V các ngày 20, 21/11/2017 và sáng 22/11/2017 để nộp ngân sách Nhà nước.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận bản thân là người nghiện ma túy và không có nghề nghiệp ổn định, để có ma túy sử dụng và tiền tiêu xài, bị cáo nhiều lần đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân và bán lại cho người nghiện khác kiếm lời. Lời khai của bị cáo là khách quan phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và vật chứng đã thu giữ, phù hợp với kết luận giám định số 232/KLGD-PC54-MT ngày 24/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: “*Mẫu chất bột dạng cục màu trắng ký hiệu M gửi giám định có khối lượng 0,06 (không phải không sáu) gam, là ma túy, loại Heroine; (Heroine có số thứ tự 20 thuộc bảng danh mục I; Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ).* Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận trong khoảng thời gian từ ngày 20/11/2017 đến ngày 22/11/2017 tại thôn M và thôn L,

xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình, Bùi Văn L đã 04 lần có hành vi bán trái phép 04 gói Heroine cho Nguyễn Văn V với tổng số tiền là 800.000^d.

Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về việc trao đổi chất ma túy. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự cũng như biết rất rõ tác hại của ma túy ảnh hưởng đến sức khỏe, kinh tế, trật tự xã hội. Bản thân bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, chỉ vì lợi nhuận và muốn có tiền bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện tội phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự, thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử kết luận hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo cai nghiện, học tập, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS năm 1999; Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, nghề nghiệp không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPO màu trắng của Bùi Văn L lắp sim thuê bao 0168346614 là phương tiện L sử dụng để liên lạc với Nguyễn Văn V để bán ma túy cho V, quá trình bắt giữ quả tang L đã làm mất cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

- Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu PHILIP màu đen có lắp sim số thuê bao 0966541675 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã thu giữ của Nguyễn Văn V là phương tiện Nguyễn Văn V sử dụng để liên lạc với Bùi Văn L để mua ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã trả lại cho Nguyễn Văn V sau đó Nguyễn Văn V đã làm mất không xác định được vị trí mất.

- Đối với 01 phong bì thư niêm phong theo quy định mặt trước ghi số 232/2017/GĐMT do cơ quan giám định đã hoàn trả; và 01 vỏ phong bì niêm phong mặt trước ký hiệu T2 là vật không có giá trị sử dụng; do vậy căn cứ Điều 41 BLHS năm 1999, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 200.000^d thu giữ của Bùi Văn L là tiền do phạm tội mà có; do vậy căn cứ Điều 41 BLHS năm 1999, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định trong các ngày 20, 21/11/2017 và sáng ngày 22/11/2017 bị cáo L đã 03 lần bán ma túy cho V mỗi lần 200.000^d, tổng cộng được 600.000^d, bị cáo khai đã chi tiêu cá nhân hết vì vậy cần buộc bị cáo nộp lại để nộp ngân sách Nhà nước.

[3] Các vấn đề khác:

- Trong vụ án này, kết quả điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ của người đã bán Heroine cho Bùi Văn L nên không đủ căn cứ để xử lý.

- Đối với Nguyễn Văn V là người nghiện ma túy 04 lần mua Heroine của Bùi Văn L để sử dụng và Nguyễn Thanh T cùng mua Heroine với V để sử dụng, quá trình điều tra xác định hành vi của Nguyễn Văn V và Nguyễn Thanh T chưa cấu thành tội phạm. Công an tỉnh Ninh Bình đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn V và Nguyễn Thanh T là thoả đáng.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo qui định;

- Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999;
Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn L 7 (Bảy) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/11/2017.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999; điểm b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

2.1. Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì thư (Đặc điểm, chi tiết vật chứng theo biên

bản giao nhận vật chứng ngày 23/03/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

2.2. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000^d thu giữ của Bùi Văn L. (Số tiền 200.000^d hiện đang ở tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện N tại kho bạc Nhà nước huyện N, theo uỷ nhiệm chi lập ngày 30/03/2018).

2.3. Buộc Bùi Văn L phải nộp lại số tiền 600.000^d (Sáu trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 các điều 135, 136 của BLTTHS; áp dụng Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu án phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Văn L phải chịu 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA.DS huyện N;
- Thi hành án HS;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu (Hồ sơ, VP);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Bình